

CÔNG TY CỔ PHẦN SHPCOM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SHPCOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHPCOM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SHPCOM., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108138571

3. Ngày thành lập: 17/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21 TT 19 Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902 191 177

Fax:

Email: huonghp0811@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659

3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
5.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
6.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
7.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
12.	Trồng lúa	0111
13.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
14.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
15.	Trồng cây mía	0114
16.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
17.	Trồng cây lấy sợi	0116
18.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
19.	Trồng cây hồ tiêu	0124
20.	Trồng cây cao su	0125
21.	Trồng cây cà phê	0126
22.	Trồng cây chè	0127
23.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
24.	Trồng cây lâu năm khác	0129
25.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
26.	Chăn nuôi trâu, bò	0141

27.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
28.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
29.	Chăn nuôi lợn	0145
30.	Chăn nuôi gia cầm	0146
31.	Chăn nuôi khác	0149
32.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
33.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
34.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
35.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
36.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
37.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
38.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
39.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
40.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
41.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
42.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
43.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
45.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
46.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
47.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
48.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
49.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
50.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
51.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
52.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
53.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che	9329
54.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
55.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
56.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

57.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình ; - Thiết kế điện - cơ điện công trình ; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy ; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ ; - Kiểm định xây dựng ; - An toàn lao động trong xây dựng; - Định giá xây dựng; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Lập dự án đầu tư	7110(Chính)
58.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
59.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
60.	Xây dựng nhà các loại	4100
61.	Xây dựng công trình công ích	4220
62.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
63.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
64.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
65.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
66.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
67.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
68.	Trồng cây ăn quả	0121
69.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
70.	Trồng cây điều	0123
71.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
72.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
73.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
74.	Sản xuất giày dép	1520
75.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
76.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác	4511
77.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
80.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
81.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
83.	Lập trình máy vi tính	6201
84.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
85.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
86.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản	6820
87.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
88.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
89.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
90.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
91.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
92.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Hoạt động đánh giá trừ bất động sản và bảo hiểm (cho đồ cổ, đồ trang sức...); - Tư vấn về nông học; - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.	7490
93.	Trồng cây hàng năm khác	0119
94.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
95.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619

96.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm ; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
97.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	1104
98.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
99.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
100.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
101.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
102.	Bán mô tô, xe máy	4541
103.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
104.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
105.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
106.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
107.	Bán buôn thực phẩm	4632
108.	Bán buôn đồ uống	4633
109.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
110.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
111.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
112.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
113.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
114.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép ;Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
115.	Bán buôn tổng hợp	4690

116.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
117.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
118.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
119.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
120.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
121.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
122.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
123.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
124.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
125.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
126.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
127.	Cho thuê xe có động cơ	7710
128.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
129.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
130.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
131.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
132.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
133.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
134.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
135.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
136.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
137.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
138.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
139.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
140.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
141.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
142.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
143.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
144.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
145.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
146.	Sản xuất nhạc cụ	3220

147.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
148.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
149.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
150.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
151.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
152.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
153.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
154.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
155.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
156.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
157.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
158.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
159.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
160.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..;	4799
161.	Bốc xếp hàng hóa	5224
162.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

6. Vốn điều lệ: 6.850.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THU HƯƠNG	Số 3, tổ 6, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	87,591	B8989699	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	87,591		
2	TRẦN VĂN HIẾU	Số 3, tổ 6, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	42.000	420.000.000	6,131	013177175	
			Tổng số	42.000	420.000.000	6,131		
3	PHÙNG THANH THỦY	Phòng 8B nhà Z4, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	43.000	430.000.000	6,277	013286453	
			Tổng số	43.000	430.000.000	6,277		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19/04/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B8989699

Ngày cấp: 07/04/2014

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3, tổ 6, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 21 TT 19 Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội